

Số: **716**/BTC-TCT
V/v xử lý xóa nợ

Hà Nội, ngày **20** tháng **01** năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Bộ Tài chính nhận được công văn số 5522/UBND-TH ngày 7/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị hướng dẫn áp dụng Điều 152 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội. Về việc này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về chế độ quy định

1.1. Quy định về xóa nợ theo Luật Quản lý thuế

- Tại khoản 1 Điều 152 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 19/6/2019 của Quốc hội quy định chuyển tiếp như sau:

“1. Đối với các khoản thuế được miễn, giảm, không thu, xóa nợ phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2020 thì tiếp tục xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và Luật số 106/2016/QH13.”

- Tại khoản 3 Điều 65 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội) quy định về việc xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt như sau:

“3. Các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của người nộp thuế không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà cơ quan quản lý thuế đã áp dụng tất cả các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế quy định tại khoản 1 Điều 93 của Luật này và các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt này đã quá mười năm, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, nhưng không có khả năng thu hồi.”

- Tại điểm c khoản 2 Điều 67 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội) quy định về thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt như sau:

“c) Tổng cục trưởng Tổng cục thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xóa nợ đối với trường hợp người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt dưới năm tỷ đồng.”

1.2. Quy định về xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 của Quốc hội

- Tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội quy định về đối tượng được xử lý nợ:

“Điều 4. Đối tượng được xử lý nợ

Đối tượng được xử lý nợ là người nộp thuế nợ tiền thuế, nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp và thuộc một trong các trường hợp dưới đây, phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2020 mà không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước:

...

5. Người nộp thuế đã bị cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hành nghề theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế.”

- Tại điểm d khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội quy định về thẩm quyền xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với doanh nghiệp và tổ chức:

“d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp dưới 05 tỷ đồng.”

1.3. Quy định về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

Tại khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội quy định về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật như sau:

“1. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó.”

2. Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp (người nộp thuế) thuộc trường hợp xóa nợ theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội) nếu có đầy đủ hồ sơ theo quy định; thẩm quyền xóa nợ thuộc Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Trường hợp doanh nghiệp đã bị thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh (từ năm 2018), nếu không có đầy đủ hồ sơ để thực hiện xóa nợ theo Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 thì thuộc đối tượng được xem xét xử lý khoản nợ tiền

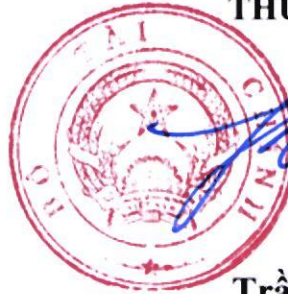
thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội; thẩm quyền xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Việc xóa nợ tiền thuế được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 152 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 19/6/2019 của Quốc hội.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định chỉ đạo các đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PC, CST - BTC;
- Tổng cục Hải Quan;
- Vụ PC, CS - TCT;
- Lưu: VT, TCT (VT, QLN (2b)).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà